

Bản án số: 67/2018/DS-PT

Ngày: 20-9-2018

V/v tranh chấp chia tài sản chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Ngọc Anh.

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Quốc Sơn và ông Phạm Văn Phần.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Phước Linh - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2018/TLPT-DS ngày 14/8/2018 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 13/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2018/QĐ-PT ngày 5/9/2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1967. Địa chỉ: Xóm A, xã DY, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

*Bị đơn:* Ông Đậu Trọng Đ, sinh năm 1961 và bà Lê Thị K, sinh năm 1964. Đều có địa chỉ: Xóm A, xã DY, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày như sau:

Vào đầu năm 2015, ông Nguyễn Xuân L cùng với vợ chồng ông Đậu Trọng Đ, bà Lê Thị K bàn nhau chung mua máy gặt đập liên hoàn. Ông L, bà K vào thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xem máy và thống nhất giá máy là 320.000.000 đồng. Ông L đã đặt cọc 10.000.000 đồng để mua máy. Do ông L không có tiền nên đã không mua chung máy với vợ chồng ông Đ, bà K. Tháng 4/2015, ông Đ, bà K đã dùng tài sản chung của vợ chồng thế chấp Ngân hàng vay 320.000.000 đồng vào thành phố Vinh mua máy, đứng tên chủ sở hữu. Số tiền đặt cọc 10.000.000 đồng cửa hàng bán máy đã trả lại cho ông L. Sau khi mua máy về vợ chồng ông Đ, bà K đã thỏa thuận với ông L cùng sử dụng chung máy và chia lợi nhuận ngang nhau

(mỗi bên 50%). Đến ngày 24/2/2016, do mâu thuẫn trong làm ăn nên vợ chồng ông Đ, bà K, ông L không làm chung máy với nhau nữa.

Ngày 24/2/2016, bà K và ông L lập bản hợp đồng nhường máy thỏa thuận khấu hao máy một năm sử dụng là 120.000.000 đồng, mỗi bên chịu 60.000.000 đồng. Ông L đã thanh toán tiền khấu hao máy 60.000.000 đồng cho vợ chồng ông Đ, bà K bằng việc trừ vào số tiền vợ chồng ông Đ, bà K nợ trước đó. Bà K và ông L còn thỏa thuận khi nhận tiền hỗ trợ của Nhà nước về việc mua máy thì sẽ chia đôi số tiền này. Hai bên không tranh chấp chi phí khấu hao máy, tiền lợi nhuận khi sử dụng chung máy.

Tháng 5/2016, ông L cho rằng vợ chồng ông Đ, bà K đã nhận 64.000.000 đồng tiền hỗ trợ mua máy của Nhà nước mà không chia theo thỏa thuận ngày 24/2/2016 nên ông L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Đ, bà K chia cho ông số tiền 32.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm ông L rút một phần yêu cầu và chỉ yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà K trả cho số tiền 10.000.000 đồng.

Bị đơn ông Đậu Trọng Đ, bà Lê Thị K thống nhất trình bày:

Vợ chồng ông Đ, bà K bàn với ông L chung nhau mua máy gặt đập liên hoàn. Sau khi thống nhất bà K, ông L vào thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xem máy, khi đi ông L mang 10.000.000 đồng để đặt cọc mua máy. Do ông L không chung mua máy nữa nên vợ chồng ông Đ, bà K đã thế chấp tài sản vay ngân hàng 320.000.000 đồng để mua máy. Số tiền ông L đặt cọc 10.000.000 đồng thì cửa hàng bán máy đã trả cho ông L đầy đủ. Sau khi mua máy về thì vợ chồng ông Đ, bà K cho ông L cùng khai thác chung, lợi nhuận chia đôi, rủi ro cùng chịu. Được khoảng một năm thì hai bên không làm chung với nhau nữa, ông L, bà K tính toán khấu hao máy sau khi sử dụng là 120.000.000 đồng, mỗi người chịu 60.000.000 đồng. Số tiền này ông L đã thanh toán cho vợ chồng ông Đ, bà K bằng hình thức trừ nợ giữa bà K và ông L. Việc thỏa thuận với ông L khi nhận tiền hỗ trợ của Nhà nước thì chia đôi nếu ông L góp vốn mua máy 160.000.000 đồng (50% giá trị của máy). Vợ chồng ông Đ, bà K cho rằng ông L không góp vốn, tiền mua máy là vợ chồng ông bà bỏ ra nên không chia cho ông L tiền hỗ trợ của Nhà nước.

Tại Bản án số 06/2018/DS-ST ngày 13/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 186, 189, 191, 206, 210, 218, 219 của Bộ luật dân sự, xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân L về việc yêu cầu ông Đậu Trọng Đ và bà Lê Thị K phải chia cho ông L số tiền 10.000.000 đồng tiền Nhà nước hỗ trợ mua máy nông nghiệp.

Về án phí: Ông Nguyễn Xuân L phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 800.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo biên lai số 4281 ngày 11/10/2017, trả cho ông L số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, ông Nguyễn Xuân L làm đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 13/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm buộc ông Đậu Trọng Đ và bà Lê Thị K phải trả lại cho ông L số tiền do Nhà nước hỗ trợ trong việc mua máy gặt đập liên hoàn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và bổ sung đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Đậu Trọng Đ và bà Lê Thị K trả 10.000.000 đồng là tiền Nhà nước hỗ trợ mua máy nông nghiệp.

Bị đơn không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

Quá trình thụ lý, xét xử phúc thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 249 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Xuân L. Sửa bản án sơ thẩm: Buộc ông Đậu Trọng Đ, bà Lê Thị K chia cho ông Nguyễn Xuân L số tiền Nhà nước hỗ trợ mua máy nông nghiệp là 10.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Xuân L đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ, được chấp nhận.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Xuân L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông L trình bày trước đó đã bàn bạc với vợ chồng ông Đ, bà K mua máy gặt đập liên hoàn về cùng sử dụng chung và đã vào cửa hàng bán máy tại thành phố Vinh đặt cọc 10.000.000 đồng để mua máy. Do không có tiền nên ông L không chung tiền mua máy nữa và số tiền đặt cọc 10.000.000 đồng đã được bên bán máy trả lại, ông L không có ý kiến gì về tiền đặt cọc mua máy. Số tiền 320.000.000 đồng dùng để mua máy là do vợ chồng ông Đ, bà K bỏ ra, ông L không tham gia. Sau khi vợ chồng ông Đ, bà K mua máy đưa về thì ông L mới cùng sử dụng chung và hai bên thỏa thuận cùng khai thác chung, cùng chia lợi nhuận và chịu trả tiền vay Ngân hàng. Tại phiên tòa hôm nay, ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc vợ chồng ông Đ, bà K trả 10.000.000 đồng tiền Nhà nước hỗ trợ mua máy gặt vì ngày 24/2/2016, bà Lê Thị K đã có văn bản thỏa thuận khi nhận tiền hỗ trợ của Nhà nước thì chia đôi nên ông L mới trả tiền khấu hao máy là 60.000.000 đồng.

Vợ chồng ông Đ, bà K trình bày chiếc máy gặt đập liên hoàn là do vợ chồng bỏ tiền ra mua, số tiền đặt cọc 10.000.000 đồng bên bán máy đã trả lại cho ông L. Sau khi mua máy về thì vợ chồng ông Đ, bà K cho ông L cùng làm chung, lợi

nhuận chia đôi và cùng chịu rủi ro. Ông L yêu cầu trả 10.000.000 đồng tiền Nhà nước hỗ trợ, vợ chồng ông Đ, bà K không đồng ý vì đây là tiền Nhà nước hỗ trợ cho người mua máy.

Như vậy, ông L, ông Đ và bà K cùng thống nhất chiếc máy gặt đập liên hoàn là do vợ chồng ông Đ, bà K bỏ tiền ra mua với giá 320.000.000 đồng. Việc mua bán, thanh toán tiền, đưa máy về là do ông Đ, bà K thực hiện, ông L không tham gia. Tại phiên tòa phúc thẩm ông L cũng thừa nhận việc mua bán đã hoàn thành khi vợ chồng ông Đ, bà K giao tiền cho người bán và nhận máy. Do đó, tại thời điểm vợ chồng ông Đ, bà K trả tiền mua máy và nhận máy về thì việc mua bán đã hoàn thành nên ông Đ, bà K là người có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt chiếc máy. Tại phiên tòa, ông L trình bày sau khi mua máy về thì hai bên thỏa thuận làm ăn chung, lợi nhuận chia đôi và ông L phải trả tiền ngân hàng chung với ông Đ, bà K. Tuy nhiên ông L cũng thừa nhận từ khi mua máy đến ngày xét xử phúc thẩm thì ông L chưa trả tiền cho Ngân hàng như thỏa thuận với ông Đ, bà K.

Mặc dù ông Đ, bà K, ông L đều biết chủ trương của Nhà nước về hỗ trợ khi mua máy gặt đập liên hoàn từ trước và cùng thống nhất thỏa thuận mua máy để hưởng chính sách hỗ trợ, tuy nhiên khi mua máy thì ông L không tham gia và đã tự nguyện nhận lại tiền cọc từ bên bán máy. Như vậy, việc thỏa thuận mua máy về sử dụng chung để được hưởng chính sách hộ trở của Nhà nước giữa ông L với ông Đ, bà K đã chấm dứt. Sau khi mua máy về ông Đ, bà K, ông L cùng thỏa thuận sử dụng chung máy, sau mỗi mùa gặt có công khai tài chính, chia lợi nhuận, chịu rủi ro đây là sự thỏa thuận làm ăn chung với nhau, không phải là thỏa thuận mua chung máy lần trước đó. Việc thỏa thuận làm ăn chung này không có nội dung nào làm thay đổi quyền sở hữu máy của vợ chồng ông Đ, bà K. Ông L cũng không đưa ra được các chứng cứ, tài liệu chứng minh là người cùng sở hữu chung chiếc máy gặt đập liên hoàn này với vợ chồng ông Đ, bà K. Vì vậy, chiếc máy gặt đập liên hoàn này là tài sản chung của vợ chồng ông Đ, bà K.

Ông Nguyễn Xuân L cho rằng ngày 24/2/2016 bà Lê Thị K đã thỏa thuận là khi nhận tiền hỗ trợ của Nhà nước thì chia đôi nên mới chịu tiền khấu hao máy là 60.000.000 đồng. Xét bản hợp đồng nhường máy ngày 24/2/2016 giữa ông L và bà K thì thấy rằng chiếc máy gặt đập liên hoàn là do vợ chồng ông Đ, bà K bỏ tiền ra mua nên đây là tài sản chung của vợ chồng. Ông Đ không biết việc bà K thỏa thuận với anh Lục ngày 24/2/2016. Bà K trình bày việc thỏa thuận chia đôi tiền hỗ trợ của Nhà nước với điều kiện ông L phải trả tiền nợ ngân hàng 100.000.000 đồng nhưng ông L không thực hiện và việc thỏa thuận này ông Đ không biết. Ông L cũng thừa nhận bản hợp đồng nhường máy ngày 24/2/2016 với bà K thì ông Đ không ký. Như vậy chiếc máy gặt đập liên hoàn là tài sản chung của vợ chồng ông Đ, bà K. Bà K tự định đoạt khi không có sự đồng ý hoặc ủy quyền của ông Đ là vi phạm quyền định của các bên về tài sản chung nên không có căn cứ để chấp nhận.

Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng với quy định của Bộ luật dân sự. Vì vậy, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Kháng cáo của ông Nguyễn Xuân L không được chấp nhận nên

ông L phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Xuân L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 186, 189, 191, 206, 210, 218 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân L về việc yêu cầu ông Đậu Trọng Đ và bà Lê Thị K phải trả số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng tiền Nhà nước hộ trở mua máy nông nghiệp.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Xuân L phải chịu 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004281 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Số tiền còn lại 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng trả cho ông Nguyễn Xuân L.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Xuân L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000798 ngày 27/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Ông Nguyễn Xuân L đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Diễn Châu;
- Chi cục THADS huyện Diễn Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký)*

**Hoàng Ngọc Anh**